**CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG II: CẤU TRÚC CỦA TẾ BÀO**

**Tuần từ 24/2 – 01/3/2020**

**Câu 1:** Lục lạp có chức năng nào sau đây?

A. Chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa năng

B. Đóng gói, vận chuyển các sản phẩm hữu cơ ra ngoài tế bào

C. Chuyển hóa đường và phân hủy chất độc hại trong cơ thể

D. Tham gia vào quá trình tổng hợp và vận chuyển lipit

**Câu 2:** Cho các phát biểu sau:

(1) Có màng kép trơn nhẵn

(2) Chất nền có chứa ADN và riboxom

(3) Có ở tế bào thực vật

(4) Có ở tế bào động vật và thực vật

Có mấy đặc điểm chỉ có ở lục lạp?

A. 2     B. 4     C. 5     D. 6

**Câu 3:** Cho các phát biểu sau:

(1) Có màng kép trơn nhẵn

(2) Chất nền có chứa ADN và riboxom

(3) Hệ thống enzim được đính ở lớp màng trong

(4) Có ở tế bào thực vật

(5) Cung cấp năng lượng cho tế bào

Có mấy đặc điểm chỉ có ở ti thể?

A. 2     B. 3     C. 4     D. 5

**Câu 4:** Trong các yếu tố cấu tạo sau đây, yếu tố nào có chứa diệp lục và enzim quang hợp?

A. màng trong của lục lạp    B. màng của tilacoit

C. màng ngoài của lục lạp    D. chất nền của lục lạp

**Câu 5:** Cấu trúc nằm bên trong tế bào gồm một hệ thống túi màng dẹp xếp chồng lên nhau được gọi là

A. lưới nội chất    B. bộ máy Gôngi C. riboxom    D. màng sinh chất

**Câu 6:** Cho các ý sau đây:

(1) Có cấu tạo tương tự như cấu tạo của màng tế bào

(2) Là một hệ thống ống và xoang dẹp phân nhánh thông với nhau

(3) Phân chia tế bào chất thành các xoang nhỏ (tạo ra sự xoang hóa)

(4) Có chứa hệ enzim làm nhiệm vụ tổng hợp lipit

(5) Có chứa hệ enzim làm nhiệm vụ tổng hợp protein

Trong các ý trên có mấy ý là đặc điểm chung của mạng lưới nội chất trơn và mạng lưới nội chất hạt?

A. 2     B. 3     C. 4     D. 5

**Câu 7:** Heemoglobin có nhiệm vụ vận chuyển oxi trong máu gồm 2 chuỗi poolipeptit α và 2 chuỗi poolipeptit β. Bào quan làm nhiệm vụ tổng hợp protein cung cấp cho quá trình tổng hợp hemoglobin là

A. ti thể    B. bộ máy Gôngi C. lưới nội chất hạt    D. lưới nội chất trơn

**Câu 8:** Trong quá trình phát triển của nòng nọc có giai đoạn rụng đuôi để trở thành ếch. Bào quan chứa enzim phân giải làm nhiệm vụ tiêu hủy tế bào cuống đuôi là:

A. lưới nội chất   B. bộ máy Gôngi C. lizoxom    D. riboxom

**Câu 9:** Lưới nội chất trơn không có chức năng nào saau đây?

A. Tổng hợp bào quan peroxixom B. Tổng hợp lipit, phân giải chất độc

C. Tổng hợp protein D. Vận chuyển nội bào

**Câu 10:** Cho các phát biểu sau về lizoxom. Phát biểu nào sai?

A. Lizoxom được bao bọc bởi lớp màng kép

B. Lizoxom chỉ có ở tế bào động vật

C. Lizoxom chứa nhiều enzim thủy phân

D. Lizoxom có chức năng phân hủy tế bào già và tế bào bị tổn thương.

**Câu 11:** Cho các nhận định sau về không bào, nhận định nào **sai** ?

A. Không bào ở tế bào thực vật có chứa các chất dự trữ, sắc tố, ion khoáng và dịch hữu cơ...

B. Không bào được tạo ra từ hệ thống lưới nội chất và bộ máy Gôngi

C. Không bào được bao bọc bởi lớp màng kép

D. Không bào tiêu hóa ở động vật nguyên sinh khá phát triển.

**Câu 12:** Cho các đặc điểm về thành phần và cấu tạo màng sinh chất

(1) Lớp kép photpholipit có các phân tử protein xen giữa

(2) Liên kết với các phân tử protein và lipit còn có các phân tử cacbohidrat

(3) Các phân tử photpholipit và protein thường xuyên chuyển động quanh vị trí nhất định của màng

(4) Xen giữa các phân tử photpholipit còn có các phân tử colesteron

(5) Xen giữa các phân tử photpholipit là các phân tử glicoprotein

Có mấy đặc điểm đúng theo mô hình khảm – động của màng sinh chất?

A. 2     B. 3     C. 4     D. 5

**Câu 13:** Chức năng nào sau đây **không** phải của màng sinh chất?

A. Sinh tổng hợp protein để tiết ra ngoài

B. Mang các dấu chuẩn đặc trưng cho tế bào

C. Tiếp nhận và truyền thông tin vào trong tế bào

D. Thực hiện trao đổi chất giữa tế bào với môi trường

**Câu 14:** Thành tế bào thực vật **không** có chức năng nào sau đây ?

A. Bảo vệ, chống sức trương của nước làm vỡ tế bào

B. Quy định khả năng sinh sản và sinh trưởng của tế bào

C. Quy định hình dạng, kích thước của tế bào

D. Giúp các tế bào ghép nối và liên lạc với nhau bằng cầu sinh chất

**Câu 15:** Không bào lớn, chứa các ion khoáng và chất hữu cơ tạo nên áp suất thẩm thấu lớn có ở loại tế bào nào sau đây?

A. tế bào lông hút   B. tế bào lá cây C. tế bào cánh hoa   D. tế bào thân cây

**Câu 16:** Nước được vận chuyển qua màng tế bào nhờ

A. Sự biến dạng của màng tế bào B. Bơm protein và tiêu tốn ATP

C. Sự khuếch tán của các ion qua màng D. Kênh protein đặc biệt là “Aquaporin”

**Câu 17:** Các chất tan trong lipit được vận chuyển vào trong tế bào qua

A. kênh protein đặc biệt    B. các lỗ trên màng

C. lớp kép photpholipit    D. kênh protein xuyên màng

**Câu 18:** Trong các nhóm chất sau, nhóm chất nào dễ dàng đi qua màng tế bào nhất?

A. Nhóm chất tan trong nước và có kích thước nhỏ.

B. Nhóm chất tan trong nước và có kích thước lớn.

C. Nhóm chất tan trong dầu và có kích thước nhỏ.

D. Nhóm chất tan trong dầu và có kích thước lớn.

**Câu 19:** Chất O2, CO2 đi qua màng tế bào bằng phương thức

A. Khuếch tán qua lớp kép photpholipit B. Nhờ sự biến dạng của màng tế bào

C. Nhờ kênh protein đặc biệt D. Vận chuyển chủ động

**Câu 20:** Nhập bào là phương thức vận chuyển

A. Chất có kích thước nhỏ và mang điện.

B. Chất có kích thước nhỏ và phân cực.

C. Chất có kích thước nhỏ và không tan trong nước.

D. Chất có kích thước lớn.